ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI SƠN
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG THÁNG 9/2026

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số sổ lĩnh tiền	Tỷ lệ TT	Tiền trợ cấp tháng này	Ký nhận
	Tổng cộng				**2,255,684,000**	
TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%						
1	Đoàn Quang Trình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52148	31	2,770,000	
2	Nguyễn Văn Súy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51183	31	2,770,000	
3	Dương Văn Thuẫn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51180	21	1,878,000	
4	Tăng Văn Thắng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24774	21	1,878,000	
5	Nguyễn Xuân Tích	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26388	28	2,505,000	
6	Nguyễn Trung Tính	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26400	22	1,969,000	
7	Đoàn Quốc Vinh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26617	21	1,878,000	
8	Nguyễn Xuân Tề	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25722	23	2,053,000	
9	Nguyễn Huy Vang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26529	25	2,236,000	
10	Đoàn Văn Xuân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26932	31	2,770,000	
11	Nguyễn Văn Tuyết	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26372	21	1,878,000	
12	Nguyễn Quang Tuất	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26259	31	2,770,000	

13	Tăng Văn Duy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35171	21	1,878,000	
14	Tô Văn Hán	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40343	23	2,053,000	
15	Đoàn Ngọc Cảnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18602	21	1,878,000	
16	Nghiêm Viết Chiến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18961	21	1,878,000	
17	Lương Văn Chỉnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19092	21	1,878,000	
18	Nguyễn Văn Hảo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20040	31	2,770,000	
19	Vũ Công Hoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20686	23	2,053,000	
20	Đàm Xuân Hiền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20392	23	2,053,000	
21	Nguyễn Văn Hợi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20278	31	2,770,000	
22	Lương Xuân Niệp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21719	21	1,878,000	
23	Nguyễn Tiến Lộc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21560	21	1,878,000	
24	Phạm Quang Khải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20953	32	2,862,000	
25	Nguyễn Văn Mai	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22067	25	2,236,000	
26	Đoàn Huy Phương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23073	21	1,878,000	
27	Đoàn Đức Năm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22323	31	2,770,000	
28	Nguyễn Văn Sào	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23826	21	1,878,000	
29	Phạm Văn Như	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22719	21	1,878,000	
30	Nguyễn Văn Nhận	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22823	21	1,878,000	
31	Phạm Đức Tầu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24260	31	2,770,000	
32	Hoàng Thị Tươi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24234	21	1,878,000	
33	Nguyễn Văn Quý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23555	21	1,878,000	

34	Nguyễn Văn Thảnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24709	21	1,878,000	
35	Tăng Thanh Thuỷ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25502	25	2,236,000	
36	Nguyễn Xuân Thiệc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25108	21	1,878,000	
37	Đoàn Ngọc Hiệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51403	31	2,770,000	
38	Lương Anh Triệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52488	31	2,770,000	
39	Nguyễn Văn Quyết	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44650	21	1,878,000	
40	Nguyễn Xuân Cói	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18645	41	3,667,000	
41	Nguyễn Văn Đồng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17542	45	4,024,000	
42	Nguyễn Công Hoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20670	44	3,934,000	
43	Lê Văn Hiền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20401	55	4,918,000	
44	Dương Văn Mộc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22085	38	3,399,000	
45	Nguyễn Mạnh Tôn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24136	51	4,561,000	
46	Nguyễn Thành Viên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33353	45	4,024,000	
47	Khương Viết Lập	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21591	45	4,024,000	
48	Nguyễn Trọng Cừu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45945	21	1,878,000	
49	Nguyễn Huy Tưởng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24436	25	2,236,000	
50	Lê Văn Tước	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25553	21	1,878,000	
51	Nguyễn Tá Mầu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22105	21	1,878,000	
52	Nguyễn Ngọc Khương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20932	22	1,969,000	
53	Trần Xuân Nhặn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22794	21	1,878,000	
54	Nguyễn Đình Nhuẩn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22937	21	1,878,000	

55	Khương Viết Phảng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23113	21	1,878,000	
56	Nguyễn Văn Phang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23155	21	1,878,000	
57	Nguyễn Hồ Điệp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17681	21	1,878,000	
58	Nguyễn Đình Nhẫm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22812	51	4,561,000	
59	Nguyễn Văn Đoàn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17759	43	3,839,000	
60	Nguyễn Ngọc Thảy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24729	22	1,969,000	
61	Nguyễn Từ Thức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25307	21	1,878,000	
62	Nguyễn Văn Ngụ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22635	23	2,053,000	
63	Trịnh Văn Chương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18831	25	2,236,000	
64	Trần Xuân Miêu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22159	21	1,878,000	
65	Nguyễn Hải Chừng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19084	31	2,770,000	
66	Trần Xuân Chững	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18812	21	1,878,000	
67	Nguyễn Tất Đông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17296	31	2,770,000	
68	Nguyễn Văn Quế	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23478	25	2,236,000	
69	Nguyễn Đình Ảm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27067	21	1,878,000	
70	Nguyễn Thanh Bình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35197	22	1,969,000	
71	Nguyễn Danh Vọng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26542	21	1,878,000	
72	Trần Văn Ngà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53621	21	1,878,000	
73	Vương Đình Cang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49486	21	1,878,000	

74	Ngô Văn Luyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19018A	21	1,878,000	
75	Nguyễn Văn Đĩnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	50062	21	1,878,000	
76	Phạm Văn Tháu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	50064	24	2,144,000	
77	Vũ Đình Tứ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51270	23	2,053,000	
78	Nguyễn Đức Nhuần	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51995	21	1,878,000	
79	Nguyễn Thanh Tuấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	50914	24	2,144,000	
80	Nguyễn Thanh Hà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51273	21	1,878,000	
81	Nguyễn Văn Đức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33596	21	1,878,000	
82	Nguyễn Đức Kiệm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33613	22	1,969,000	
83	Nguyễn Văn Khoát	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33624	22	1,969,000	
84	Nguyễn Văn Khương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33691	21	1,878,000	
85	Phạm Ngọc Ánh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33599	21	1,878,000	
86	Nguyễn Văn Đủ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33615	22	1,969,000	
87	Chu Văn Bịch	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18436	21	1,878,000	
88	Nguyễn Văn Cỏn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18660	31	2,770,000	
89	Đoàn Đức Hoạt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20629	31	2,770,000	
90	Tô Quang Khuê	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21189	24	2,144,000	
91	Đoàn Văn Phần	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23168	21	1,878,000	
92	Vũ Đình Sượt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23961	21	1,878,000	
93	Nguyễn Văn Miệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22243	25	2,236,000	

94	Phạm Huy Tưởng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24439	22	1,969,000	
95	Nguyễn Huy Thào	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24702	21	1,878,000	
96	Nguyễn Văn Thẩm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24974	25	2,236,000	
97	Đoàn Đình Trọng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25947	22	1,969,000	
98	Nguyễn Văn Hiền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35209	21	1,878,000	
99	Đỗ Văn Tuynh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42844	25	2,236,000	
100	Đoàn Văn Thịnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25334	51	4,561,000	
101	Vũ Văn Tuyển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26344	51	4,561,000	
102	Vũ Văn Tuỳ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26294	38	3,399,000	
103	Nguyễn Hữu Chủ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19031	41	3,667,000	
104	Nguyễn Khắc Hà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19891	44	3,934,000	
105	Trần Đình Hiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20388	33	2,950,000	
106	Trần Vũ Nhạc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52006	36	3,217,000	
107	Đoàn Trọng Tấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24383	41	3,667,000	
108	Vũ Xuân Thịnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25357	44	3,934,000	
109	Nguyễn Tá ý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26959	49	4,382,000	
110	Trần Văn Ngụ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	1952	35	3,132,000	
111	Khương Viết Tôn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24131	33	2,950,000	
112	Nguyễn Ngọc Phan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35180	31	2,770,000	
113	Nguyễn Ngọc Quân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33600	21	1,878,000	
114	Phạm Thanh Điệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33601	21	1,878,000	

115	Phạm Hồng Lâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33614	21	1,878,000	
116	Nguyễn Văn Dần	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33791	25	2,236,000	
117	Hoàng Hoa Trang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25936	21	1,878,000	
118	Nguyễn Văn Viển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26660	25	2,236,000	
119	Nguyễn Xuân Việt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26706	22	1,969,000	
120	Nguyễn Văn Tháng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36377	23	2,053,000	
121	Đặng Văn Khuyến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35204	22	1,969,000	
122	Nguyễn Văn Chiên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35207	21	1,878,000	
123	Phạm Văn Đức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35211	31	2,770,000	
124	Nguyễn Văn Khang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35179	25	2,236,000	
125	Nguyễn Văn Đô	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35173	31	2,770,000	
126	Nguyễn Thái Trà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35191	21	1,878,000	
127	Nguyễn Văn Hồng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42762	26	2,323,000	
128	Phạm Văn Đô	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17278	21	1,878,000	
129	Nguyễn Huy Đáp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17270	22	1,969,000	
130	Nguyễn Văn Đạo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17457	21	1,878,000	
131	Nguyễn Thanh Bình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18047	22	1,969,000	
132	Phạm Xuân Cát	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18519	21	1,878,000	
133	Nguyễn Văn Chìu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18803	21	1,878,000	

134	Nguyễn Văn Chí	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19201	31	2,770,000	
135	Phạm Văn Lục	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21801	23	2,053,000	
136	Nguyễn Xuân Lưu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21881	21	1,878,000	
137	Nguyễn Văn Hiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20379	32	2,862,000	
138	Nguyễn Thanh Lâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21391	22	1,969,000	
139	Nguyễn Quang Khải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20950	31	2,770,000	
140	Nguyễn Trọng Khuy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21198	24	2,144,000	
141	Nguyễn Văn Khàng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20879	27	2,411,000	
142	Vương Đình Hà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19916	31	2,770,000	
143	Nguyễn Văn Lanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21529	25	2,236,000	
144	Phạm Đức Căn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18485	30	2,683,000	
145	Nguyễn Văn Hận	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20221	25	2,236,000	
146	Nguyễn Văn Hải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20003	21	1,878,000	
147	Nguyễn Hữu Hoằng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20543	24	2,144,000	
148	Vương Đình Nhị	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22918	21	1,878,000	
149	Đặng Đức Liêm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21612	31	2,770,000	
150	Phạm Văn Miền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22226	21	1,878,000	
151	Nguyễn Văn Tá	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24090	31	2,770,000	
152	Nguyễn Văn Nhuận	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22942	28	2,505,000	
153	Nguyễn Văn Nhượng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22885	21	1,878,000	

154	Phạm Văn Tảo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24285	25	2,236,000	
155	Nguyễn Ngọc Tại	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24313	21	1,878,000	
156	Nguyễn Xuân Tiễu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25696	21	1,878,000	
157	Nguyễn Văn Thuỵ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25474	25	2,236,000	
158	Nguyễn Văn Thanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24915	21	1,878,000	
159	Nguyễn Văn Thẩm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24973	23	2,053,000	
160	Nguyễn Thanh Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24175	23	2,053,000	
161	Nguyễn Thanh Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24176	21	1,878,000	
162	Nguyễn Hữu Thức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46681	21	1,878,000	
163	Nguyễn Minh Huệ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	43281	24	2,144,000	
164	Nguyễn Văn Bắc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18162	43	3,839,000	
165	Nguyễn Văn Đống	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17592	37	3,304,000	
166	Nguyễn Văn Hồng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20155	35	3,132,000	
167	Nguyễn Xuân Hịch	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20703	36	3,217,000	
168	Ngô Văn Hinh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20362	35	3,132,000	
169	Vương Đình Mâu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22138	41	3,667,000	
170	Nguyễn Xuân Tứ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25741	41	3,667,000	
171	Đặng Xuân Mùa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22143	43	3,839,000	
172	Phạm Đức Hiệt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20451	37	3,304,000	

173	Nguyễn Văn Đức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17808	21	1,878,000	
174	Phạm Văn Hoè	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20691	23	2,053,000	
175	Vũ Văn Huyến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20847	31	2,770,000	
176	Phạm Văn Chuẩn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	19128	22	1,969,000	
177	Phạm Văn Hiếu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20479	21	1,878,000	
178	Nguyễn Chiến Khu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21170	25	2,236,000	
179	Nguyễn Thanh Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24177	21	1,878,000	
180	Phạm Văn Tầm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24361	31	2,770,000	
181	Nguyễn Văn Tấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24390	21	1,878,000	
182	Nguyễn Huy Phong	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23331	30	2,683,000	
183	Phạm Văn Quỳ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23494	31	2,770,000	
184	Vũ Anh Quyết	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23638	21	1,878,000	
185	Nguyễn Viết Sơ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23741	31	2,770,000	
186	Phạm Văn Liếc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35175	23	2,053,000	
187	Nguyễn Đức Triển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35208	31	2,770,000	
188	Nguyễn Văn Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35902	25	2,236,000	
189	Nguyễn Xuân Huấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42763	21	1,878,000	
190	Nguyễn Xuân Việt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26708	21	1,878,000	
191	Phạm Văn Biều	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33591	21	1,878,000	

192	Nguyễn Văn Gửi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33595	21	1,878,000	
193	Nguyễn Xuân Tư	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33604	21	1,878,000	
194	Nguyễn Thị Thoa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25276	22	1,969,000	
195	Đặng Văn Thía	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25531	21	1,878,000	
196	Phạm Văn Thái	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24521	25	2,236,000	
197	Phạm Duy Thìu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24585	21	1,878,000	
198	Nguyễn Văn Ngọc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22506	25	2,236,000	
199	Phạm Thanh Tần	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24366	52	4,650,000	
200	Nguyễn Xuân Trường	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26003	52	4,650,000	
201	Nguyễn Xuân Tuyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26324	39	3,489,000	
202	Nguyễn Xuân Lập	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35780	45	4,024,000	
203	Nguyễn Đức Tách	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35187	35	3,132,000	
204	Phạm Văn Đạo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17460	33	2,950,000	
205	Nguyễn Văn Đệ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	17732	41	3,667,000	
206	Vương Đình Tân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24227	41	3,667,000	
207	Đặng Văn Khiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21086	42	3,753,000	
208	Nguyễn Văn Quảng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	23400	41	3,667,000	
209	Vũ Đình Tá	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24093	41	3,667,000	
210	Phạm Văn Mệnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53503	51	4,561,000	
TB suy giảm KNLĐ từ 61-80%						

1	Nguyễn Văn Đợt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	47142	61	5,450,000	
2	Nguyễn Xuân An	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	17948	71	6,343,000	
3	Đoàn Công Chức	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	19065	61	5,450,000	
4	Trần Duy Hiếu	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	20483	69	6,170,000	
5	Hoàng Văn Trọng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25949	61	5,450,000	
6	Khương Viết Thu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25363	65	5,809,000	
7	Nguyễn Văn Vượng	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	26600	61	5,450,000	
8	Vũ Văn Truý	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	26123	66	5,902,000	
9	Nguyễn Huy Cầu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18706	63	5,629,000	
10	Nguyễn Hữu Như	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22715	61	5,450,000	
11	Nguyễn Văn Khương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	20936	61	5,450,000	
12	Đặng Văn Tháp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	24532	61	5,450,000	
13	Đặng Quốc Thuấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25426	61	5,450,000	
14	Nguyễn Văn Vỳ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	26784	61	5,450,000	
15	Nguyễn Văn Chữ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	18804	61	5,450,000	
16	Hoàng Xuân Khiên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	21078	61	5,450,000	
17	Phạm Văn Niên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	22957	61	5,450,000	
18	Nguyễn Thanh Toán	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25751	61	5,450,000	
TB suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên						
1	Nguyễn Văn Lựa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	16920	81	8,639,000	

BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%						
1	Phạm Đức Mùi	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	734	41	2,911,000	
2	Nguyễn Văn Hiển	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	739	41	2,911,000	
3	Nguyễn Xuân Trường	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	735	41	2,911,000	
4	Nguyễn Văn Khang	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	740	41	2,911,000	
5	Đoàn Văn Chu	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	791	41	2,911,000	
6	Nguyễn Văn Khanh	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	733	41	2,911,000	
7	Nguyễn Đình Tước	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	712	41	2,911,000	
8	Trịnh Thị Huyện	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	717	41	2,911,000	
9	Nguyễn Tất Tiền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	713	41	2,911,000	
10	Nguyễn Hanh Nhu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	714	41	2,911,000	
11	Nguyễn Quốc Trung	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	50193	49	2,911,000	
12	Trần Văn Ngà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	748	41	2,911,000	
13	Nguyễn Xuân Khái	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	750	41	2,911,000	
14	Nguyễn Văn Dần	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32435	45	2,911,000	
15	Phạm Hồng Phê	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	754	41	2,911,000	
BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%						
1	Dương Văn Thuẫn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	787	51	3,627,000	
BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%						
1	Tô Đình Vị	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	786	61	4,622,000	
2	Nguyễn Văn ánh	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	738	64	4,622,000	

3	Nguyễn Xuân Văn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	711	61	4,622,000	
4	Nguyễn Ngọc Khương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31761	61	4,622,000	
5	Nguyễn Văn Quế	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29564	61	4,622,000	
6	Nguyễn Văn Vẻ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28882	65	4,622,000	
7	Dương Thị Nga	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30008	61	4,622,000	
8	Nguyễn Khắc Lảnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29055	62	4,622,000	
9	Khương Viết Chí	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29815	61	4,622,000	
10	Nguyễn Thành Ngỡi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28679	65	4,622,000	
11	Nguyễn Xuân Nghĩa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29536	61	4,622,000	
12	Trần Đình Hiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29663	61	4,622,000	
13	Đoàn Văn Thế	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28706	65	4,622,000	
14	Lương Đức Chính	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29144	62	4,622,000	
15	Dương Văn Cành	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30205	61	4,622,000	
16	Lã Văn Phụng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30240	61	4,622,000	
17	Vũ Xuân Đức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28647	65	4,622,000	
18	Đoàn Văn Lưỡng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30321	61	4,622,000	
19	Nguyễn Thanh Môn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29672	61	4,622,000	
20	Nghiêm Viết Chiến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29079	62	4,622,000	
21	Nguyễn Văn Hiền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29115	62	4,622,000	
22	Nguyễn Đức Đông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31265	61	4,622,000	
23	Nguyễn Trung Tính	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31335	61	4,622,000	

24	Vũ Công Hoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28934	64	4,622,000	
25	Tô Minh Tân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30176	61	4,622,000	
26	Phạm Văn Chu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32124	61	4,622,000	
27	Nguyễn Văn Bịch	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31126	61	4,622,000	
28	Phạm Văn Mạo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32359	61	4,622,000	
29	Nguyễn Thế Tự	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30941	61	4,622,000	
30	Phạm Huy Tưởng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31064	61	4,622,000	
31	Phạm Đức Chuyền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31182	61	4,622,000	
32	Đoàn Ngọc Khanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31471	61	4,622,000	
33	Phạm Văn Quyết	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32038	61	4,622,000	
34	Nguyễn Xuân Mai	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32450	61	4,622,000	
35	Nguyễn Hoàng Vai	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32080	61	4,622,000	
36	Đàm Văn Lựu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32161	61	4,622,000	
37	Nguyễn Ngọc Đới	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28649	65	4,622,000	
38	Nguyễn Huy Bang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29274	61	4,622,000	
39	Lương Văn Công	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30269	61	4,622,000	
40	Lương Anh Triệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30873	61	4,622,000	
41	Nguyễn Trung Thông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31097	61	4,622,000	
42	Nguyễn Khắc Soạn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31223	61	4,622,000	
43	Phạm Văn Tứ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31026	61	4,622,000	
44	Nguyễn Tá Dân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28742	65	4,622,000	

45	Nguyễn Văn Đoàn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30353	61	4,622,000	
46	Nguyễn Thanh Bình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30390	61	4,622,000	
47	Nguyễn Đình ảm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30630	61	4,622,000	
48	Nguyễn Thanh Liêm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29437	61	4,622,000	
49	Nguyễn Công Thức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	746	61	4,622,000	
50	Hoàng Thanh Trang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29822	61	4,622,000	
51	Nguyễn Thanh Giá	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29886	61	4,622,000	
52	Phạm Văn Toán	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29146	62	4,622,000	
53	Nguyễn Văn Dư	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28728	65	4,622,000	
54	Nguyễn Xuân Cược	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28981	63	4,622,000	
55	Vũ Đình Tứ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31724	61	4,622,000	
56	Nguyễn Văn Nguyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30586	61	4,622,000	
57	Vũ Văn Phên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30649	61	4,622,000	
58	Nguyễn Thành Đông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30706	61	4,622,000	
59	Nguyễn Thanh Hà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29963	61	4,622,000	
60	Nguyễn Đức Nhuần	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30340	61	4,622,000	
61	Phạm Duy Thìu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30869	61	4,622,000	
62	Nguyễn Văn Tiến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32249	61	4,622,000	
63	Vũ Thị Hiên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32588	61	4,622,000	

64	Nguyễn Văn Đủ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31415	61	4,622,000	
65	Nguyễn Văn Nhở	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32464	61	4,622,000	
66	Đặng Chính Kỳ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	747	65	4,622,000	
67	Nguyễn Trường Điệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28703	65	4,622,000	
68	Nguyễn Xuân Hịch	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28553	68	4,622,000	
69	Phạm Thải Hồi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29523	61	4,622,000	
70	Nguyễn Trọng Thụy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29732	61	4,622,000	
71	Nguyễn Văn Mệnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28756	65	4,622,000	
BB suy giảm KNLĐ từ 71-80%						
1	Nguyễn Ngọc Phình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	31200	75	5,329,000	
2	Nguyễn Xuân Liễu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27408	71	5,329,000	
3	Nguyễn Văn Thắc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27436	71	5,329,000	
4	Tô Đức Quý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27630	71	5,329,000	
5	Đoàn Ngọc Cảnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	30356	75	5,329,000	
6	Nguyễn Xuân Đào	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27335	72	5,329,000	
7	Nguyễn Minh Sông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27323	73	5,329,000	
8	Nguyễn Huy Hiệp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27281	75	5,329,000	
9	Phạm Văn Thái	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27314	75	5,329,000	
10	Nguyễn Văn Tuấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	28487	75	5,329,000	
11	Nguyễn Hữu Tòng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	29457	75	5,329,000	

12	Phạm Văn Nghe	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27332	72	5,329,000	
13	Nguyễn Văn Quang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27429	71	5,329,000	
BB suy giảm KNLĐ từ 81-90%						
1	Vương Đình Thời	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27151	81	7,777,000	
2	Nguyễn Thế Hùng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33732	81	7,777,000	
TB B suy giảm KNLĐ từ 21-60%						
1	Nguyễn Xuân Toán	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14536	21	1,552,000	
2	Đoàn Văn Lượng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14546	24	1,772,000	
3	Nguyễn Văn Đồng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14537	21	1,552,000	
4	Phạm Văn Ân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14540	23	1,695,000	
5	Nguyễn Xuân Dương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14541	21	1,552,000	
6	Nguyễn Văn Nhân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14539	35	2,577,000	
TB B suy giảm KNLĐ từ 61-80%						
1	Nguyễn Quang Bửu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14545	61	4,543,000	
2	Nguyễn Ngọc phép	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14535	67	4,983,000	
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình						
1	Đặng Thị Hòa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng		0	2,789,000	
Người phục vụ BB từ 81% trở lên ở gia đình						
1	Đặng Thị Văn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng		0	2,789,000	
2	Phạm Thị Thoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng		0	2,789,000	

Người phục vụ người nhiễm CĐHH trên 81%						
1	Đoàn Thị Dự	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng		0	2,789,000	
Tuất 1 liệt sỹ						
1	Đoàn Thị Thì	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7649	0	2,789,000	
2	Nguyễn Thị Nhung	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7655	0	2,789,000	
3	Nguyễn Thị Thiết	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7677	0	2,789,000	
4	Nguyễn Thị Sâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7683	0	2,789,000	
5	Nguyễn Thị Kỉm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7643	0	2,789,000	
6	Nguyễn Thị Chắc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7682	0	2,789,000	
7	Đàm Thị Tẹo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7887	0	2,789,000	
8	Nguyễn Thị Kim	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7894	0	2,789,000	
9	Phạm Thị Phao	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7653	0	2,789,000	
10	Đỗ Thị Huệ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7666	0	2,789,000	
11	Nguyễn Thị Thèn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7878	0	2,789,000	
12	Vũ Thị Ty	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7879	0	2,789,000	
13	Vũ Thị Nhuần	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7890	0	2,789,000	
14	Đoàn Thị ất	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7893	0	2,789,000	
15	Nguyễn Thị Vải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7900	0	2,789,000	
16	Nguyễn Thị Gái	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7660	0	2,789,000	
17	Nguyễn Thị Mùi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7668	0	2,789,000	
18	Vũ Thị Mỳ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7676	0	2,789,000	

19	Hồ Ngọc Phụng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7877	0	2,789,000	
20	Đoàn Thị Đương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7881	0	2,789,000	
21	Đoàn Thị Nhự	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7882	0	2,789,000	
22	Nguyễn Thị Cốc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7886	0	2,789,000	
23	Nguyễn Văn Nam	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7889	0	2,789,000	
24	Nguyễn Thị Mát	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7896	0	2,789,000	
25	Đoàn Thị Hiền (Hỷ)	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7884	0	2,789,000	
26	Đoàn Thị Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7898	0	2,789,000	
27	Khương Thị Chi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7515	0	2,789,000	
28	Nguyễn Ngọc Vui	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7532	0	2,789,000	
29	Trần Thị Diu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7514	0	2,789,000	
30	Nguyễn Văn Tài	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7522	0	2,789,000	
31	Nguyễn Thị Lan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7513	0	2,789,000	
32	Nguyễn Thị Mềm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7519	0	2,789,000	
33	Nguyễn Thị Thuông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7520	0	2,789,000	
34	Nguyễn Thị Thoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7530	0	2,789,000	
35	Nguyễn Thị Chắn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7512	0	2,789,000	
36	Nguyễn Thị Sy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7516	0	2,789,000	
37	Nguyễn Thị Đến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7518	0	2,789,000	
38	Nguyễn Thị Cỡ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7523	0	2,789,000	

39	Trần Văn Nga	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7733	0	2,789,000	
40	Ngô Thị Thanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7754	0	2,789,000	
41	Phạm Thị Lan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7762	0	2,789,000	
42	Nguyễn Thị Thơm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7769	0	2,789,000	
43	Nguyễn Văn Kẹo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7787	0	2,789,000	
44	Phạm Thị Hón	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7713	0	2,789,000	
45	Đoàn Thị Sỉnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7763	0	2,789,000	
46	Nguyễn Văn Thắng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7770	0	2,789,000	
47	Nguyễn Văn Nhân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7782	0	2,789,000	
48	Đặng Thị Cồ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7786	0	2,789,000	
49	Nguyễn Thị Bấm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7715	0	2,789,000	
50	Phạm Văn Thục	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7718	0	2,789,000	
51	Đặng Thị Phan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7729	0	2,789,000	
52	Trần Văn Trường	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7736	0	2,789,000	
53	Nguyễn Thị Chích	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7749	0	2,789,000	
54	Phạm Thị Nghĩa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7752	0	2,789,000	
55	Nguyễn Thị Kíp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7773	0	2,789,000	
56	Nguyễn Thị Khuy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7716	0	2,789,000	
57	Trần Văn Khương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7737	0	2,789,000	
58	Nguyễn Thị Bể	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7739	0	2,789,000	

59	Phạm Thị Dung	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7747	0	2,789,000	
60	Nguyễn Thị Gái	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7753	0	2,789,000	
61	Nguyễn Thị Bích	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7764	0	2,789,000	
Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND						
1	Nguyễn Thị Hiên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7679	0	5,020,000	
2	Nguyễn Thị Dậu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7883	0	5,020,000	
3	Nguyễn Thị Hoài	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7777	0	5,020,000	
Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác						
1	Nguyễn Thị Dục	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42917	0	2,789,000	
2	Nguyễn Thị Nguyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42048	0	2,789,000	
3	Vũ Thị Kim Dung	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	7681	0	2,789,000	
4	Đoàn Thị Phương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44636	0	2,789,000	
5	Nguyễn Thị Kiệm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44524	0	2,789,000	
6	Vương Thị Thẩn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44561	0	2,789,000	
7	Nguyễn Thị Liêm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25228	0	2,789,000	
8	Nguyễn Thị Nguyệt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46248	0	2,789,000	
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB						
1	Đàm Thị Len	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44900	0	1,565,000	
2	Nguyễn Thị Chín	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49435	0	1,565,000	
3	Đoàn Thị Thắm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25373	0	1,565,000	
4	Nguyễn Thị Lạch	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40435	0	1,565,000	

5	Nguyễn Thị Chèo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40868	0	1,565,000	
6	Nguyễn Thị Nụ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40867	0	1,565,000	
7	Nguyễn Thị Thanh Tầm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	15289	0	1,565,000	
8	Nguyễn Thị Thí	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52693	0	1,565,000	
9	Nguyễn Thị Đạm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	15536	0	1,565,000	
10	Nguyễn Thị Thiện	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51079	0	1,565,000	
11	Nguyễn Thị Thanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39952	0	1,565,000	
12	Nguyễn Thị Mơ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42846	0	1,565,000	
13	Đặng Thị Xuân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40344	0	1,565,000	
14	Nguyễn Thị Mai	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45795	0	1,565,000	
15	Nguyễn Thị Kỹ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	15292	0	1,565,000	
16	Đào Thị An	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42911	0	1,565,000	
Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB						
1	Nguyễn Thị Lâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	47024	0	1,565,000	
2	Phạm Thị Hòa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53502	0	1,565,000	
3	Đoàn Thị Trung	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36042	0	1,565,000	
4	Phạm Thị Ga	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	50154	0	1,565,000	
5	Nguyễn Thị Ý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	50264	0	1,565,000	
6	Lã Thị Cảnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46392	0	1,565,000	
7	Nguyễn Thị Vĩnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	43135	0	1,565,000	

8	Nguyễn Thị Đà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36375	0	1,565,000	
9	Nguyễn Thị Như	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	15664	0	1,565,000	
10	Nguyễn Thị Biển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	15481	0	1,565,000	
11	Nguyễn Thị Nhớ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42847	0	1,565,000	
12	Nguyễn Thị Vùng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40676	0	1,565,000	
13	Nguyễn Thị Ất	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	41792	0	1,565,000	
14	Phạm Thị Thúy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	27068	0	1,565,000	
15	Khương Thị Rõ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49826	0	1,565,000	
16	Lê Thị Bia	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42848	0	1,565,000	
17	Nguyễn Thị Biển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53898	0	1,565,000	
18	Khương Thị Chất	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44739	0	1,565,000	
19	Nguyễn Thị Thoi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49101	0	1,565,000	
20	Nguyễn Thị Ngà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42913	0	1,565,000	
21	Nguyễn Thị Nức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44973	0	1,565,000	
22	Nguyễn Thị Viển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53448	0	1,565,000	
23	Nguyễn Thị Vịnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46365	0	1,565,000	
24	Nguyễn Thị Chuộng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46684	0	1,565,000	
25	Lê Thị Làn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49829	0	1,565,000	
26	Phạm Thị Miến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52309	0	1,565,000	
27	Nguyễn Thị Thống	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51064	0	1,565,000	

28	Tăng Thị Mật	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42634	0	1,565,000	
29	Nguyễn Thị Thu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40941	0	1,565,000	
30	Vũ Thị Thông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40947	0	1,565,000	
31	Nguyễn Thị Liên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	41911	0	1,565,000	
32	Nguyễn Thị Tuyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40948	0	1,565,000	
33	Lê Thị Thành	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45798	0	1,565,000	
34	Nguyễn Thị Thêu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53557	0	1,565,000	
35	Nguyễn Thị Thanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49827	0	1,565,000	
36	Trần Văn Nga	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49828	0	1,565,000	
37	Nguyễn Thị Ích	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32664	0	1,565,000	
38	Nguyễn Thị Phiến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	47598	0	1,565,000	
Tuất CĐHH trên 61% hưởng ĐXCB						
1	Nguyễn Thị Luân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	47025	0	1,565,000	
2	Nguyễn Thị Nọt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53948	0	1,565,000	
3	Nguyễn Thị Soãnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53946	0	1,565,000	
4	Nguyễn Thị Ngân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52012	0	1,565,000	
5	Chu Thị Thững	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	50915	0	1,565,000	
6	Nguyễn Thị Xuân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51394	0	1,565,000	
7	Nguyễn Thị Bổng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40685	0	1,565,000	
8	Nguyễn Thị Loan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52614	0	1,565,000	

9	Nguyễn Thị Nhường	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45941	0	1,565,000	
10	Khương Thị Tuyển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44351	0	1,565,000	
11	Đặng Thị Lý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44734	0	1,565,000	
12	Nguyễn Thị Huệ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53773	0	1,565,000	
13	Nguyễn Thị Mười	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44899	0	1,565,000	
14	Nguyễn Thị Xuân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46302	0	1,565,000	
15	Đăng Thị Duyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	41008	0	1,565,000	
16	Phạm Thị Bổi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45112	0	1,565,000	
17	Nguyễn Thị Tơ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45915	0	1,565,000	
18	Nguyễn Thị Nghiệp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49865	0	1,565,000	
19	Nguyễn Thị Vinh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40448	0	1,565,000	
20	Nguyễn Xuân Mai	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	47781	0	1,565,000	
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 21% - 40%						
1	Lê Duy Tuấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	54121	35	2,120,000	
2	Nguyễn Văn Đồng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46108	35	2,120,000	
3	Đoàn Hồng Tuynh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46318	35	2,120,000	
4	Nguyễn Xuân Cói	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46367	35	2,120,000	
5	Đoàn Văn Đọc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45657	35	2,120,000	
6	Đỗ Đức Dậu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49140	35	2,120,000	
7	Đỗ Văn Tuynh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46303	35	2,120,000	

8	Nguyễn Tiến Lộc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49958	35	2,120,000	
9	Tăng Văn Thắng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49491	35	2,120,000	
10	Nguyễn Văn Nải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45620	35	2,120,000	
11	Lương Văn Bột	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45793	35	2,120,000	
12	Nguyễn Công Bon	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46402	35	2,120,000	
13	Đoàn Đức Năm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46579	35	2,120,000	
14	Nguyễn Ngọc Đoản	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45668	35	2,120,000	
15	Nguyễn Xuân Liễu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53771	35	2,120,000	
16	Tăng Thanh Thủy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46514	35	2,120,000	
17	Lương Văn Chỉnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	49137	35	2,120,000	
18	Nguyễn Tất Hiệp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45788	35	2,120,000	
19	Khương Viết Thu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46029	35	2,120,000	
20	Nguyễn Văn Ngụ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46311	35	2,120,000	
21	Nguyễn Tá Mầu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	51392	35	2,120,000	
22	Nguyễn Hải Chừng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	50364	35	2,120,000	
23	Nguyễn Ngọc Tại	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	53556	35	2,120,000	
24	Nguyễn Viết Sơ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45660	35	2,120,000	
25	Nguyễn Văn Năng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46314	35	2,120,000	
26	Nguyễn Văn Bùng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	48955	35	2,120,000	
27	Nguyễn Văn Bình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	46025	35	2,120,000	

Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%						
1	Nguyễn Văn Tuyết	Xã Đại Sơn, Tỉnh Hải Dương	14260	41	3,542,000	
2	Nguyễn Ngọc Củng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42039	41	3,542,000	
3	Nguyễn Đình Tước	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32639	41	3,542,000	
4	Nguyễn Xuân Liễu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32636	41	3,542,000	
5	Nguyễn Văn Vẻ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32805	41	3,542,000	
6	Nguyễn Văn Hùng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13816	41	3,542,000	
7	Nguyễn Công Hoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32644	41	3,542,000	
8	Nguyễn Xuân Trường	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32813	41	3,542,000	
9	Tô Minh Tân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32814	41	3,542,000	
10	Nguyễn Thị Duyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37686	41	3,542,000	
11	Nguyễn Văn Suy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37696	41	3,542,000	
12	Chu Văn Nhã	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37697	41	3,542,000	
13	Phạm Quang Khải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37688	41	3,542,000	
14	Đoàn Văn Vân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37698	41	3,542,000	
15	Nguyễn Xuân Mai	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37699	41	3,542,000	
16	Trịnh Thị Huệ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37685	41	3,542,000	
17	Nguyễn Văn Vẻ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37690	41	3,542,000	
18	Nguyễn Văn Khanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32806	41	3,542,000	
19	Nguyễn Mạnh Tôn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39945	41	3,542,000	
20	Đặng Thị Đáp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42476	41	3,542,000	

21	Chu Ngọc Điệp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42483	41	3,542,000	
22	Phạm Huy Tưởng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42478	41	3,542,000	
23	Nguyễn Quốc Chung	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42479	41	3,542,000	
24	Phạm Văn Cường	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42484	41	3,542,000	
25	Nguyễn Xuân Nam	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42485	41	3,542,000	
26	Vũ Đức Tư	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42487	41	3,542,000	
27	Nguyễn Văn Ban	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45024	41	3,542,000	
28	Phạm Đức Toàn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42041	41	3,542,000	
29	Đoàn Văn Tuy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44354	41	3,542,000	
30	Nguyễn Văn Tề	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44466	41	3,542,000	
31	Tô Quang Khuê	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44465	41	3,542,000	
32	Trần Đình Hiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14244	41	3,542,000	
33	Đoàn Huy Động	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44649	41	3,542,000	
34	Phạm Quang Hoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44727	41	3,542,000	
35	Nguyễn Viết Doanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42472	41	3,542,000	
36	Nguyễn Văn Thành	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42473	41	3,542,000	
37	Phạm Đinh Như	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42480	41	3,542,000	
38	Nguyễn Văn Mão	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42486	41	3,542,000	
39	Nguyễn Văn Hảo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45161	41	3,542,000	
40	Nguyễn Xuân Thiệc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45182	41	3,542,000	
41	Nguyễn Hữu Chủ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45526	41	3,542,000	

42	Đoàn Văn Vịnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44720	41	3,542,000	
43	Nguyễn Văn Thẩm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32635	41	3,542,000	
44	Phạm Quang Duy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37684	41	3,542,000	
45	Nguyễn Hữu Mai	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37687	41	3,542,000	
46	Đoàn Thị Lê	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37692	41	3,542,000	
47	Nguyễn Trung Tính	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42474	41	3,542,000	
48	Trần Thị Hảo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42475	41	3,542,000	
49	Nguyễn Văn Kỉnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42481	41	3,542,000	
50	Phạm Mức Mùi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32815	41	3,542,000	
51	Vũ Xuân Nghiêm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45532	41	3,542,000	
52	Nguyễn Xuân An	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44526	41	3,542,000	
53	Nguyễn Đình Nhuẩn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32801	41	3,542,000	
54	Nguyễn Ngọc Đồng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37679	41	3,542,000	
55	Lê Văn Tước	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32808	41	3,542,000	
56	Nguyễn Tất Tiền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32638	41	3,542,000	
57	Nguyễn Tất Thành	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25301	41	3,542,000	
58	Hoàng Văn Trọng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45517	41	3,542,000	
59	Nguyễn Văn Đĩnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13833	41	3,542,000	
60	Phạm Văn Bất	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13836	41	3,542,000	
61	Phạm Văn Đô	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13828	41	3,542,000	

62	Nguyễn Văn Độ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13829	41	3,542,000	
63	Nguyễn Xuân Tiễu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	14183	41	3,542,000	
64	Vũ Văn Hoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13825	41	3,542,000	
65	Nguyễn Văn Chìu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13832	41	3,542,000	
66	Nguyễn Văn Lựa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32647	41	3,542,000	
67	Nguyễn Văn Nguyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32650	41	3,542,000	
68	Nguyễn Hữu Như	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34561	41	3,542,000	
69	Nguyễn Xuân Lưu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32960	41	3,542,000	
70	Nguyễn Tiến Song	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37702	41	3,542,000	
71	Nguyễn Xuân Cơ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37710	41	3,542,000	
72	Nguyễn Xuân Khái	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35695	41	3,542,000	
73	Đặng Văn Khiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34563	41	3,542,000	
74	Phạm Văn Miền	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34570	41	3,542,000	
75	Đặng Xuân Ngoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39912	41	3,542,000	
76	Đặng Đức Liêm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39921	41	3,542,000	
77	Nguyễn Văn Nghi	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39929	41	3,542,000	
78	Nguyễn Văn Hạnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	40005	41	3,542,000	
79	Nguyễn Văn Bốn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37704	41	3,542,000	
80	Nguyễn Văn Tiến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39917	41	3,542,000	
81	Nguyễn Thị Nhỡ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39932	41	3,542,000	

82	Chu Văn Chuẩn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32807	41	3,542,000	
83	Nguyễn Văn Khàng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42771	41	3,542,000	
84	Nguyễn Văn Hích	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42772	41	3,542,000	
85	Nguyễn Văn Thẩm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42851	41	3,542,000	
86	Nguyễn Văn Tín	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42854	41	3,542,000	
87	Phạm Văn Đôn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37707	41	3,542,000	
88	Nguyễn Xuân Tư	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25231	41	3,542,000	
89	Nguyễn Văn Nghe	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25235	41	3,542,000	
90	Phạm Văn Lục	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25238	41	3,542,000	
91	Nguyễn Văn Măng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42400	41	3,542,000	
92	Nguyễn Xuân Tứ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45519	41	3,542,000	
93	Nguyễn Xuân Lộc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45521	41	3,542,000	
94	Nguyễn Quang Khải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45531	41	3,542,000	
95	Nguyễn Văn Hảo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42774	41	3,542,000	
96	Đặng Văn Bảy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42853	41	3,542,000	
97	Phạm Văn Quý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45025	41	3,542,000	
98	Phạm Hoài Giang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13826	41	3,542,000	
99	Nguyễn Minh Tua	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13834	41	3,542,000	
100	Nguyễn Văn Huy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	13835	41	3,542,000	

101	Phạm Văn Chuẩn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44563	41	3,542,000	
102	Trịnh Văn Bình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44637	41	3,542,000	
103	Nguyễn Văn Nhượng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44646	41	3,542,000	
104	Nguyễn Văn Tá	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44468	41	3,542,000	
105	Nguyễn Thành Công	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44562	41	3,542,000	
106	Phạm Hồng Nguyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44591	41	3,542,000	
107	Nguyễn Văn Đức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44643	41	3,542,000	
108	Phạm Xuân Cát	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44644	41	3,542,000	
109	Nguyễn Văn Mơ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44881	41	3,542,000	
110	Vương Đình Tân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42547	41	3,542,000	
111	Nguyễn Văn Huynh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42989	41	3,542,000	
112	Đặng Quốc Thuấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	43239	41	3,542,000	
113	Phạm Đức Căn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	43241	41	3,542,000	
114	Nguyễn Văn Khang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44253	41	3,542,000	
115	Nguyễn Văn Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44800	41	3,542,000	
116	Nguyễn Văn Anh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44883	41	3,542,000	
117	Phạm Văn Phương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44258	41	3,542,000	
118	Nguyễn Xuân Thiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44527	41	3,542,000	
119	Nguyễn Đức Hạnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44528	41	3,542,000	

120	Nguyễn Văn Đô	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44564	41	3,542,000	
121	Nguyễn Ngọc Quân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44683	41	3,542,000	
122	Nguyễn Văn Hiển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44639`	41	3,542,000	
123	Phạm Văn Huy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44645	41	3,542,000	
124	Nguyễn Trọng Khuy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44887	41	3,542,000	
125	Nguyễn Thanh Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42965	41	3,542,000	
126	Vương Đình Nhị	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42991	41	3,542,000	
127	Nguyễn Thanh Bình	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	43240	41	3,542,000	
128	Phạm Văn Đạo	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44250	41	3,542,000	
129	Nguyễn Văn Lanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44252	41	3,542,000	
130	Nguyễn Văn Viển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32652	41	3,542,000	
131	Nguyễn Thanh Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32804	41	3,542,000	
132	Nguyễn Văn Khoát	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37708	41	3,542,000	
133	Đặng Xuân Chiêm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37709	41	3,542,000	
134	Nguyễn Văn Tháng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	37711	41	3,542,000	
135	Hoàng Xuân Khiên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39902	41	3,542,000	
136	Phạm Văn Lơn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42038	41	3,542,000	
137	Nguyễn Văn Kính	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	42546	41	3,542,000	
138	Phạm Văn Liếc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45022	41	3,542,000	

139	Nguyễn Văn Khánh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45031	41	3,542,000	
140	Phạm Đức Hiệt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	25234	41	3,542,000	
141	Nguyễn Văn Thanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45513	41	3,542,000	
142	Vũ Văn Huyến	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45516	41	3,542,000	
143	Phạm Thanh Điệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	43266	41	3,542,000	
144	Nguyễn Văn Đệ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44726	41	3,542,000	
145	Nguyễn Huy Phong	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44795	41	3,542,000	
146	Nguyễn Xuân Lập	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44893	41	3,542,000	
147	Nguyễn Thanh Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44971	41	3,542,000	
148	Nguyễn Văn Khương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45534	41	3,542,000	
149	Nguyễn Văn Huy	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33177	41	3,542,000	
150	Vương Đình Thời	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34562	41	3,542,000	
151	Nguyễn Thanh Toán	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	44525	41	3,542,000	
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 61% - 80%						
1	Nguyễn Tá Ý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38642	61	4,964,000	
2	Nguyễn Văn Gộc	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38643	61	4,964,000	
3	Nguyễn Văn Miệu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38608	61	4,964,000	
4	Phạm Văn Thoại	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38605	61	4,964,000	
5	Nguyễn Thị Thu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38610	61	4,964,000	
6	Trần Văn Đào	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38604	61	4,964,000	

7	Nguyễn Hữu Trượng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38606	61	4,964,000	
8	Hoàng Đình Quỳ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38641	61	4,964,000	
9	Trần Xuân Nhạn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52696	75	4,964,000	
10	Nguyễn Thi Thoa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38650	61	4,964,000	
11	Nguyễn Thị Loan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38662	61	4,964,000	
12	Nguyễn Văn Bứa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38687	61	4,964,000	
13	Nguyễn Văn Dự	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38689	61	4,964,000	
14	Vương Đình Càn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38668	61	4,964,000	
15	Phạm Văn Hòe	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38692	61	4,964,000	
16	Nguyễn Hữu Lân	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38710	61	4,964,000	
17	Nguyễn Văn Lừu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38711	61	4,964,000	
18	Nguyễn Văn Điệt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38652	61	4,964,000	
19	Nguyễn Anh Bốn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38688	61	4,964,000	
20	Nguyễn Đức Trí	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38715	61	4,964,000	
21	Phạm Thị Thược	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38717	61	4,964,000	
22	Nguyễn Văn Lể	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38712	61	4,964,000	
23	Nguyễn Văn Đan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38690	61	4,964,000	
24	Nguyễn Văn Đỉnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38716	61	4,964,000	
25	Nguyễn Đức Tách	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	38720	61	4,964,000	
Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 81% - 100%						

1	Nguyễn Huy Vang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	45785	81	7,757,000	
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%						
1	Phạm Thị Hạnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36220	0	1,673,000	
2	Nguyễn Văn Khoa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2460	0	1,673,000	
3	Nguyễn Thị Hải	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	52697	0	1,673,000	
4	Trần Đình Chuyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3348	0	1,673,000	
5	Nguyễn Thị Hương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2440	0	1,673,000	
6	Nguyễn Tá Mạnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2441	0	1,673,000	
7	Nguyễn Thị Thoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2464	0	1,673,000	
8	Nguyễn Văn Điệp	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32823	0	1,673,000	
9	Phạm Thanh Tùng	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34571	0	1,673,000	
10	Nguyễn Thị Quyên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34979	0	1,673,000	
11	Nguyễn Anh Đệ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34572	0	1,673,000	
12	Phạm Thị Hoa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	35773	0	1,673,000	
13	Nguyễn Văn Khương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36192	0	1,673,000	
14	Nguyễn Thị Uyển	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2468	0	1,673,000	
15	Nguyễn Thanh Tuấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2470	0	1,673,000	
16	Nguyễn Văn Sơn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3276	0	1,673,000	
17	Phạm Văn Khang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2465	0	1,673,000	
18	Nguyễn Văn Hiếu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3357	0	1,673,000	

19	Nguyễn Trung Kiên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3283	0	1,673,000	
20	Nguyễn Văn Tuấn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3439	0	1,673,000	
21	Nguyễn Ngọc Sang	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3285	0	1,673,000	
22	Nguyễn Xuân Chỉnh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32822	0	1,673,000	
23	Nguyễn Thị Thu Hà	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	33116	0	1,673,000	
Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên						
1	Đoàn Thị Mai Hoa	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36193	0	2,789,000	
2	Nguyễn Thị Thuỷ	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2461	0	2,789,000	
3	Phạm Thị Thanh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3529	0	2,789,000	
4	Nguyễn Thị Lý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3383	0	2,789,000	
5	Nguyễn Tá Ưu	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2439	0	2,789,000	
6	Nguyễn Tiến Thương	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2469	0	2,789,000	
7	Nguyễn Thị Anh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32657	0	2,789,000	
8	Nguyễn Văn Đức	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	32661	0	2,789,000	
9	Nguyễn Văn Thành	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	2466	0	2,789,000	
10	Nguyễn Hữu Tuý	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	3356	0	2,789,000	
Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT						
1	Nguyễn Minh Hoành	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34763	0	2,628,000	
2	Đoàn Hồng Tuynh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34773	0	2,628,000	
3	Nguyễn Quang Vinh	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	34762	0	2,628,000	

Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù, đày						
1	Nguyễn Văn Thẩm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36978	0	1,673,000	
2	Khương Viết Tôn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36976	0	1,673,000	
3	Nguyễn Tất Đông	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	39253	0	1,673,000	
4	Đoàn Đức Hoạt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36843	0	1,673,000	
5	Phạm Thanh Tâm	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36853	0	1,673,000	
6	Vũ Văn Hoan	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36855	0	1,673,000	
7	Chu Văn Chuẩn	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36858	0	1,673,000	
8	Hoàng Xuân Khiên	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36849	0	1,673,000	
9	Nguyễn Xuân Việt	Xã Đại Sơn, Thành phố Hải Phòng	36851	0	1,673,000	

Tổng cộng: 738 người

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hương